

PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ CHO TRẺ CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT TẠI KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC - TRIỂN VỌNG VÀ THÁCH THỨC

• TS. NGUYỄN ĐỨC MINH

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Hiện nay, nhiều tỉnh và thành phố trong cả nước đang thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở (THCS). Tuy nhiên, vấn đề còn vướng mắc, nổi cộm là ở phổ cập cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt. Sau đây chúng tôi xin đề cập tới những triển vọng và thách thức của việc phổ cập THCS cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt tại khu vực miền núi phía Bắc.

1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở cho mọi người là mục tiêu có tính pháp lí

Thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, Nhà nước Việt Nam đã ban hành các bộ luật quan trọng về giáo dục như: “Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em” (1991; 2004), “Luật Phổ cập Giáo dục tiểu học” (1991), “Luật Giáo dục” (1998) “Luật Giáo dục sửa đổi và bổ sung” (2005) nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ công dân trong học tập, nhất là đối với đối tượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trong đó có trẻ em các vùng miền núi, hải đảo.

Từ năm 1992, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (Điều 36) đã nêu: “... Nhà nước thực hiện chính sách ưu tiên bảo đảm phát triển giáo dục ở miền núi, các vùng dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn...”. Đến năm 2001, Đại hội Đảng toàn quốc khoá IX lại nhấn mạnh: “Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống trường, lớp, cơ sở vật chất - kĩ thuật các cấp học, mở thêm các trường nội trú, bán trú và có chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho vùng này...” và “... Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập, tiếp tục phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú dành cho con em dân tộc thiểu số, chú trọng quyền được học tập của nhân dân ở trên hai nghìn xã nghèo nhất...”.

Trong Kế hoạch hành động Quốc gia giáo dục cho mọi người (2003 - 2015) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại công văn số: 872/CP-KG ngày 02-7-2003, có mục tiêu 4: Mở rộng

chương trình xóa mù chữ và sau xóa mù chữ cho người lớn dưới 40 tuổi, trong đó dành ưu tiên cho vùng dân tộc và phụ nữ; Mở rộng các chương trình học tập cộng đồng tới tất cả các xã và huyện, trong đó ưu tiên các vùng xa và khó khăn. Kế hoạch hành động quốc gia GD cho mọi người cũng đã đưa ra mục tiêu tới 2015 **phổ cập GD THCS với chất lượng cao cho tất cả trẻ em.**

Như vậy, theo quy định của pháp luật thì phổ cập THCS cho mọi người tới 2015 có tính chất bắt buộc và đã bảo đảm để mọi người đều có quyền bình đẳng tham gia. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (HCĐB) được Nhà nước, các cá nhân, tổ chức tạo điều kiện để học tập, phổ cập THCS, phát huy khả năng, sống tự lập và cống hiến cho xã hội.

2. Triển vọng phổ cập THCS cho trẻ có HCĐB tại vùng miền núi phía Bắc

Để tới 2015 có thể phổ cập được GD THCS cho mỗi trẻ em, trong đó có trẻ có HCĐB tại khu vực miền núi phía Bắc, thì ngay từ bây giờ phải chú trọng tới các cấp học mầm non và tiểu học. Học sinh mầm non năm 2008 sẽ trở thành học sinh THCS của 2015. Vì vậy, những thành tựu của giáo dục mầm non và tiểu học chính là tiền đề cho phổ cập GD THCS năm 2015. Bên cạnh việc tìm hiểu thực trạng của GD THCS để chuẩn bị các điều kiện cần thiết thực hiện phổ cập tới 2015 chúng ta cũng cần tập trung phân tích các dữ liệu của các cấp học từ mầm non, tiểu học để xem đầu vào và giáo dục THPT để thấy được đầu ra cho phổ cập GD THCS của trẻ có HCĐB.

Hiện nay, vẫn chưa có số liệu thống kê đầy đủ về tổng số trẻ có HCĐB và số lượng trẻ có HCĐB được đi học. Theo khảo sát của Viện Chiến lược & Chương trình Giáo dục và báo cáo của các Sở GD&ĐT, tại các tỉnh miền núi phía Bắc mới chỉ có những chương trình nhỏ, thí điểm thực hiện can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật. Các đối tượng trẻ có HCĐB khác như: Trẻ nhiễm HIV/AIDS; trẻ bị bỏ rơi, trẻ mua bán, trẻ nhiễm chất độc... chưa có thông báo về chương trình hỗ



trợ. Mặt khác, để tới 2015 có thể phổ cập GD THCS cho mọi trẻ có HCĐB thì ngay từ năm 2008, tất cả trẻ có HCĐB phải được đi học đúng độ tuổi là lớp mẫu non 5 tuổi. Điều đáng mừng là giáo dục mầm non khu vực miền núi phía Bắc đang phát triển rất nhanh. Tại nhiều tỉnh, hệ thống trường mầm non đã phủ kín các xã. Ví dụ, giáo dục mầm non tỉnh Lào Cai năm học 2006-2007 đã phủ kín 100% xã vùng cao, hơn 90% thôn bản có lớp mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ em dân tộc thiểu số tới lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt tới 99,1%, nhiều xã đạt 100%. Mạng lưới và quy mô này, chính là cơ sở để có thể tiếp nhận và thực hiện các chương trình hỗ trợ cần thiết cho trẻ có HCĐB.

Để thực hiện phổ cập GD THCS cho trẻ có HCĐB chúng ta cần dựa vào các cấp học trước, đặc biệt là tiểu học. Đến nay, số lượng trẻ có HCĐB đi học tại khu vực miền núi, hải đảo nói chung và miền núi phía Bắc nói riêng còn rất hạn chế. Nguyên nhân là do chương trình học chưa phù hợp, giáo viên chưa được bồi dưỡng đầy đủ về chuyên môn và cơ sở vật chất còn nghèo nàn, không thích hợp với sự tham gia GD của trẻ có HCĐB. Bên cạnh đó, chúng ta đang tập trung cho tiền đề quan trọng là giáo dục tiểu học ở tất cả các xã thuộc khu vực miền núi phía Bắc. Các hình thức tổ chức dạy học và nội dung giáo dục đặc thù cho trẻ là người dân tộc thiểu số đã được chú ý. Nhiều trường tiểu học vùng núi phía Bắc đã đạt chuẩn Quốc gia. Việc dạy 2 buổi/ngày cũng đã phát triển đến các xã vùng cao, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Một số lượng nhất định giáo viên (GV) tiểu học của các tỉnh miền núi phía bắc đã được bồi dưỡng về GD, dạy học cho trẻ khuyết tật. Mạng lưới giáo dục tiểu học đa dạng đã phát triển tới tận thôn/ bản... Chúng ta tiếp tục vận động, tuyên truyền tích cực, tạo điều kiện để GV được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng GD trẻ có HCĐB và cải tạo, xây dựng trường học, đầu tư trang thiết bị chú trọng tới sự tham gia của tất cả các trẻ em, thì đầu vào của phổ cập GDTHCS cho trẻ có HCĐB sẽ càng ngày càng được bảo đảm và trở thành cơ sở tốt để thực hiện tới năm 2015.

Mạng lưới trường THCS là cơ sở quan trọng trong phổ cập THCS cho trẻ có HCĐB. Hầu khắp các xã tại khu vực miền núi phía Bắc đã có trường THCS. Quy mô học sinh là trẻ có HCĐB bậc THCS tăng nhanh, trung bình từ 4,7% đến 5,5% mỗi năm (2001 - 2007), cao hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước (0,8%). Cá biệt

có những tỉnh tăng 15%/năm như: Lai Châu, Điện Biên; trên 6%/ năm: Sơn La. Hệ thống trường Phổ thông Dân tộc bán trú (dân nuôi) phát triển khắp các tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Hệ thống các trường này tồn tại phổ biến ở các tỉnh thuộc vùng núi phía Bắc. Nó đã tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em dân tộc thiểu số ở xa trường theo học, giảm nhanh tỉ lệ học sinh bỏ học, lưu ban. Vậy là hệ thống các cơ sở giáo dục THCS đang phát triển và tự hoàn thiện, có thể thu hút được đông đảo học sinh có HCĐB theo học.

Hiện nay, tại các huyện đều có trường THPT. Trong 5 năm qua (2002 - 2006) quy mô học sinh tăng nhanh, tốc độ cao nhất là vùng Tây Bắc (12,9%/ năm), cao gấp đôi mức trung bình cả nước (6%/ năm). Với tốc độ phát triển như vậy GD THPT sẽ là một đầu ra thu hút học sinh tốt nghiệp THCS, và tạo đà cho học sinh tham gia phổ cập THCS tại khu vực.

Cùng với giáo dục chính quy, sự phát triển của giáo dục không chính quy và phi chính quy sẽ góp phần quan trọng trong việc phổ cập GD THCS cho học sinh các tỉnh miền núi phía Bắc. Giáo dục thường xuyên ở vùng dân tộc đã từng bước được củng cố và phát triển. Các tỉnh đều tiến hành thành lập các trung tâm học tập cộng đồng, trong đó có các trung tâm ở các xã vùng cao.

Ngoài các yếu tố quan trọng bên trong hệ thống, công tác xã hội hoá giáo dục tại khu vực miền núi phía Bắc cũng đã thu được kết quả ban đầu. Công tác tuyên truyền, vận động các lực lượng xã hội chăm lo cho giáo dục đã được triển khai ở các địa phương và bước đầu có hiệu quả. Một vấn đề rất quan trọng là kinh tế, xã hội của khu vực này đang có sự phát triển tốt là điều kiện bảo đảm cho việc đầu tư chăm lo đến GD trẻ có HCĐB.

Với những gì đang có, chúng ta thấy rõ hướng phát triển nhanh chóng cả về lượng và chất của GD THCS tại khu vực miền núi phía Bắc. Triển vọng tới 2015 hoàn thành phổ cập GD THCS tại khu vực này cho trẻ có HCĐB có những cơ sở đáng tin cậy. Tuy nhiên, để hiện thực hoá nó thì chúng ta cần phải tìm hiểu kỹ thêm những thách thức có thể gặp phải để có giải pháp phù hợp.

3. Những thách thức trong thực hiện phổ cập THCS vùng miền núi phía Bắc

Thách thức đầu tiên mà chúng ta phải đề cập là *tỉ lệ trẻ nhập học ở các cấp học còn thấp*. Trẻ 5 tuổi chưa được đi học mẫu giáo trước khi vào lớp 1 còn chiếm tỉ lệ cao. Do đó, việc huy

động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 gặp nhiều khó khăn. Năm học 2001 - 2002 tỉ lệ nhập học thô trong cả nước là 84,81% và tỉ lệ nhập học tinh là 74,38%. Tuy nhiên, giữa các tỉnh và các vùng khác nhau có tỉ lệ khác nhau. Khu vực Đồng bằng Sông Hồng có tỉ lệ nhập học tinh là 89,65% và thô là 94,07%. Trong khi đó, ở khu vực Tây Bắc là: 48,90% và 68,45%. Tỉ lệ trẻ có HCĐB tham gia nhập học chưa có khảo sát, nhưng theo chúng tôi thì sự chênh lệch còn cao hơn.

Chất lượng dạy học chưa cao. Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm học 2006 -2007 đã cho thấy rất rõ điều đó. Tình trạng lưu ban, bỏ học ở các vùng núi phía Bắc vẫn phổ biến. Tỉ lệ học sinh bỏ học, theo nguồn của Bộ GD&ĐT, năm học 2005-2006: Đông Bắc (5,1%), Tây Bắc (7,1%), do vậy hiệu quả giáo dục ở những vùng này thấp nhất cả nước. Việc bỏ học dẫn tới tình trạng không học hết cấp học, huy động đi học lại khó khăn. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn tới việc huy động trẻ có HCĐB ra lớp. Nguyên nhân lưu ban bỏ học cao thường rất đa dạng, nhưng chủ yếu do học sinh học yếu, kém, không theo được chương trình; do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, các em phải nghỉ học giúp gia đình lao động sản xuất; do đường tới trường xa, nhiều trường không có nơi trọ học (KTX)...

Thời gian hoàn thành cấp học còn nhiều. Số năm trung bình để hoàn thành cấp học của học sinh cả nước, với THCS là 4,92 năm và THPT: 3,71 năm. Con số tương ứng ở Tây Bắc là 6,55 và 3,95. Xét về mặt kinh tế giáo dục, đây là sự lãng phí lớn lại xảy ra ở khu vực nghèo. Khó khăn chồng chất khó khăn đã gây cản trở lớn cho việc nhập học của học sinh có HCĐB.

Kết quả xoá đói giảm nghèo tại khu vực miền núi phía Bắc chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn lớn. Khoảng cách chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng tăng thêm, nên điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc vẫn còn nhiều khó khăn. Không nâng cao được mức sống của người dân ở các vùng này thì số lượng trẻ có HCĐB còn có thể tăng. Do vậy, công tác chăm sóc và GD trẻ có HCĐB sẽ khó có thể cải thiện tốt được.

Các hình thức và nội dung giáo dục đặc thù chưa phát triển vững chắc. Lớp ghép chưa được quản lí. Việc dạy tiếng dân tộc triển khai chưa đầy đủ và rộng rãi. Nếu trong lớp ghép, đã có học sinh thuộc các dân tộc khác nhau lại thêm học sinh có HCĐB nữa thì giáo viên rất khó thực

hiện theo đúng chương trình. Việc bảo đảm chất lượng GD sẽ khó thực hiện hơn.

Giáo dục hướng nghiệp dạy nghề cũng chưa phù hợp với nhu cầu và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của vùng miền núi phía Bắc. Tỉ lệ học sinh được học các nghề phù hợp với địa phương còn thấp: Nghề trồng trọt 27%, nghề dệt thổ cẩm 2,9%, nghề lâm sinh 4,1%, y tá thôn bản 5,9%).

Các trường chuyên biệt, nội trú chưa được củng cố, chất lượng đào tạo chưa tương ứng với đầu tư của Nhà nước. Trường phổ thông Dân tộc bán trú chưa được tổ chức chặt chẽ. Cho tới nay, chưa có quy chế trường phổ thông Dân tộc bán trú, chưa có những chính sách cần thiết hỗ trợ học sinh ở nội trú. Học sinh có HCĐB nói chung và khuyết tật nói riêng thường không có điều kiện tham gia học tập ở các trường THCS, bởi trường xa, đi lại khó khăn. Các em cần được học nội trú hoặc bán trú, nếu không khó có thể theo học được. Trong khi đó, kinh phí học tập chủ yếu vẫn do gia đình chu cấp. Mặt khác, các cán bộ, GV của trường chưa có đủ những kiến thức và kĩ năng cần thiết trong công tác của mình.

Thiếu các điều kiện để nâng cao chất lượng dạy học và đội ngũ GV thường xuyên thay đổi. Xét số liệu theo từng vùng, thì những vùng khó khăn nhất vẫn là những có tỉ lệ GV đạt chuẩn thấp nhất: năm học 2006-2007: Tây Bắc đạt 93,5%; Đông Bắc đạt 94,3%. Hầu như tất cả GV THCS chưa được đào tạo, bồi dưỡng về chăm sóc, GD trẻ có HCĐB. Một số GV người Kinh được cử lên công tác ở vùng cao, vùng khó chưa yên tâm với công việc.

Cơ sở vật chất thiếu thốn, lạc hậu. Tỉ lệ trường lớp tạm vẫn còn nhiều. Thiết bị và phương tiện dạy học thiếu thốn. Do nguồn kinh phí hạn hẹp nên nhiều năm qua mới chỉ tập trung giải quyết nhu cầu về phòng học, còn các loại phòng để hoạt động, học tập bộ môn, thư viện, y tế, phòng chức năng khác... đều rất thiếu. Tỉ lệ trường THCS có các loại phòng chức năng này thấp nhất trong cả nước. Thậm chí, không trường nào có nhà vệ sinh đủ tiêu chuẩn cho HS. Do đặc điểm địa lí và thời tiết khắc nghiệt, HS phải đi học đường xa, núi cao, mưa gió, lũ lụt... nguy hiểm nên nhu cầu ở lại trường của HS cao, nhưng các điều kiện sinh hoạt lại không đảm bảo. Vì vậy, khi tiếp nhận HS vào học mà trường không bảo đảm được các điều kiện an toàn, thuận lợi cho các em. Đó cũng là lí do để người ta từ chối HS có HCĐB vào học THCS.

Việc quản lý giáo dục còn nhiều bất cập. Tỷ lệ GV người dân tộc thiểu số ít, dẫn đến cán bộ quản lý là người dân tộc cũng ít. Ở nhiều trường, phần lớn HS là dân tộc thiểu số nhưng lại không có cán bộ quản lý là người tộc thiểu số. Đội ngũ cán bộ quản lý các trường THCS còn khá trẻ, phần lớn chưa được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ về nghiệp vụ quản lý. Mặt khác, do địa bàn miền núi rất rộng, phương tiện, đường sá đi lại ở vùng cao rất khó khăn mà biên chế cán bộ của Phòng, Sở GD&ĐT thường hạn chế, nên việc quản lý và chỉ đạo tới các trường gặp nhiều khó khăn. Khi HS có HCĐB theo học cần sự chỉ đạo nhanh các tình huống, trường hợp đặc biệt sẽ không kịp thời và dẫn đến hậu quả tiêu cực.

Từ những thách thức trên và dựa vào những mặt mạnh vốn có, chúng tôi thấy cần phải thực hiện một số giải pháp cơ bản sau để tới 2015, tất cả trẻ có HCĐB vùng núi phía Bắc có thể phổ cập GD THCS.

4. Một số giải pháp thực hiện phổ cập THCS tại vùng miền núi phía Bắc

4.1. Giải pháp trước mắt

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý giáo dục và cán bộ chính quyền các cấp, bảo đảm quyền được tham gia học tập của tất cả trẻ có HCĐB. Xoá bỏ những quy định bất cập về việc đi học theo đúng địa danh hành chính đối với trẻ có HCĐB.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, bảo đảm chất lượng GD, dạy học trẻ có HCĐB. Có kế hoạch sử dụng tối đa nguồn nhân lực đã được đào tạo, bồi dưỡng và có kinh nghiệm về chăm sóc, giáo dục trẻ có HCĐB. Nhanh chóng biên soạn tài liệu, sách hướng dẫn chăm sóc, giáo dục, dạy học trẻ có HCĐB.

- Tổ chức các hình thức GD phù hợp với điều kiện hiện có và sự tham gia của trẻ có HCĐB. Đưa GD trực tiếp đến với trẻ có HCĐB không thể đến trường được.

- Huy động trẻ có HCĐB từ 5 tuổi ra lớp học mầm non để chuẩn bị tâm thế vào học tiểu học và THCS, sẵn sàng đón trẻ có HCĐB đến trường.

- Xây dựng các cơ sở tư vấn, dịch vụ về giáo dục trẻ có HCĐB. Vận động sự ủng hộ (sách, vở, đồ dùng dạy học, quần áo, kinh phí, nhân lực...) của cộng đồng, các cá nhân, tổ chức kinh tế - xã hội cho giáo dục trẻ có HCĐB.

- Tổ chức hội nghị thường niên gặp mặt đối tác trong GD trẻ có HCĐB.

4.2. Giải pháp lâu dài để phổ cập GD THCS cho trẻ có HCĐB

- Lên danh sách tổng thể về trẻ có HCĐB tại

vùng khó khăn nói chung và vùng núi phía Bắc nói riêng để xây dựng chiến lược, kế hoạch chuẩn bị nguồn nhân lực, trang thiết bị và những phương tiện cần thiết khác cho giáo dục trẻ có HCĐB.

- Xây dựng hệ thống văn bản chỉ đạo, quản lý, điều hành và các quy định về chế độ, chính sách trong giáo dục trẻ có HCĐB.

- Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng, đặc biệt là phụ huynh/những người bảo lãnh về nhu cầu GD của trẻ có HCĐB và trách nhiệm của gia đình, cộng đồng trong giáo dục các em. Kết hợp với các cá nhân, tổ chức kinh tế - xã hội để thực hiện xã hội hoá GD trẻ có HCĐB.

- Điều chỉnh chương trình, hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa (tốt nhất là biên soạn sách giáo khoa riêng) phù hợp với trẻ có HCĐB tại khu vực miền núi, xây dựng các điều kiện bảo đảm cho việc học tập suốt đời của trẻ có HCĐB.

- Xây dựng chương trình định hướng nghề nghiệp, dạy nghề và tìm kiếm nơi làm việc cho trẻ có HCĐB lớn tuổi.

Để phổ cập GD THCS với chất lượng cao cho tất cả trẻ em trong độ tuổi tại khu vực miền núi phía Bắc tới 2015, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên trong sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể, sự tham gia tích cực của toàn cộng đồng và tranh thủ sự ủng hộ của các cá nhân, tổ chức trong nước cũng như quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo giữa thập kỉ giáo dục cho mọi người ở Việt Nam 2001-2007.
2. Báo cáo quốc gia kiểm điểm giữa kì tình hình thực hiện văn kiện "Một thế giới phù hợp với trẻ em" của Liên hiệp quốc, Hà Nội, tháng 3 năm 2007.
3. Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người 2003-2015, Hà Nội, 6/2003.
4. Nguyễn Đức Minh, *Giáo dục trẻ có HCĐB trong GDCMN 2007-2015*, Kí yếu Hội thảo QG "Giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, Vấn đề - xu hướng và triển vọng", Hà Nội tháng 6/2007.
5. Nguyễn Đức Minh, *Hướng nghiệp dạy nghề cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt cấp THCS*, Kí yếu Hội thảo QG: Phổ cập GDTHCS cho trẻ có HCĐB trong GDCMN đến 2015, Hà Tĩnh, tháng 7/2007.

SUMMARY

The article presents the prospects and challenges ahead on which basis to propose a number of solutions to provide universal lower secondary education for children in special circumstances in northern highlands.